TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày 16-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Doãn Giới.
Bà Đỗ Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với:

Bị cáo **Lê Văn T**; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1992 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Đồng Thị N1; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 01/8/2024 bị Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông" theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (được sửa đổi bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP của Chính phủ). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 18/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Ông Tô Đức T1, sinh ngày 30/4/1965. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T4

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân V – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ N2, sinh ngày 17/6/1978. Có mặt.

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, Công ty TNHH T4.

Địa chỉ: Số A C, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Anh Lê Anh H, sinh ngày 14/12/1981. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Phố C, Phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Văn L, sinh ngày 27/4/1965. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Văn H1, sinh ngày 14/3/1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số A C, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Lê Minh T2, sinh ngày 15/6/1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Hoàng Thị D, sinh ngày 06/02/1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số B Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Cao Quý D1, sinh ngày 11/11/1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số P Tòa nhà A Chung cư T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/01/2020, Lê Văn T ký Hợp đồng Lao động với Công ty TNHH T4, địa chỉ số A phố C, phường A, thành phố T (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa). Theo phân công, T làm nhân viên thị trường với nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng mua bê tông thương phẩm, hỗ trợ ký kết hợp đồng (mẫu in sẵn có chữ ký, dấu của công ty) và phối hợp thực hiện dịch vụ.

Trong quá trình làm việc cho công ty, T nhiều lần nhận tiền thanh toán của khách hàng nhưng không nộp về Công ty, sử dụng vào mục đích cá nhân, tổng cộng theo báo cáo khoảng 300 triệu đồng, ngoài ra T còn khai nhận trong thời gian này có hợp tác với một người tên D2 (chưa rõ lai lịch) để tìm kiếm khách hàng, dẫn đến phát sinh thêm khoản nợ 60.000.000 đồng. Tổng 360.000.000 đồng, Công ty đồng ý cho T tiếp tục làm việc để trừ dần khoản nợ vào tiền lương. Sau đó, Giám đốc công ty đã thay đổi thỏa thuận lao động. Từ tháng 10/2021**,** T chỉ được tìm kiếm khách hàng, không được thu tiền của khách hàng nữa**.** Việc thanh toán được quy định rõ: Nếu khách hàng trả tiền mặt thì giao cho anh Cao Quý D1 đi thu; nếu khách hàng chuyển khoản thì chuyển vào tài khoản của chị Phạm Thị Diệu T3 (vợ Giám đốc, kế toán công ty).

Tối 13/12/2021, ông Tô Đức T1 (chủ thầu) sinh năm 1965 ở xã H, H, Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) chủ thầu liên hệ T để ký hợp đồng đổ bê tông cho công trình nhà ông Lê Văn L. T điền thông tin vào hợp đồng đã ký sẵn, sau đó báo công ty T5 thi công ngày 14/12/2021; đến tối 14/12/2021, ông T1 gọi T đến nhận tiền. Thay vì hướng dẫn khách hàng nộp đúng quy định, T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa số tài khoản của chị Hoàng Thị D (người ngoài công ty) sinh năm 1987 ở phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường L, tỉnh Thanh

Hóa) để ông T1 chuyển tiền. Ông T1 nhờ anh Lê Minh T2, sinh năm 1993 ở xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) dùng số tài khoản 3518205265614 ngân hàng A của anh T2 chuyển 24.000.000 đồng đến số tài khoản 19036936201011 ngân hàng T6 của chị Hoàng Thị D. Sau khi chị D nhận được tiền qua tài khoản thì chị D đưa tiền mặt cho T, toàn bộ số tiền được T sử dụng chơi game bắn cá và thua hết.

Anh Cao Quý D1 được phân công thu tiền nhưng đến thì khách hàng cho biết đã nộp cho T. Bị chất vấn, T thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 24.000.000 đồng và bỏ trốn vào miền N làm công nhân. Đến ngày 15/12/2024, T ra đầu thú tại Công an huyện H.

Tại phiên tòa Lê Văn T thừa nhận dùng thủ đoạn gian dối để yêu cầu ông Tô Đức T1 chuyển tiền cho mình thông qua tài khoản của chị Hoàng Thị D số tiền 24.000.000 đồng mục đích để lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau khi bị Công ty phát hiện nên T đã bỏ trốn.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T đã bồi thường cho bị hại Tô Đức T1 để ông T1 hoàn thành hợp đồng với Công ty TNHH T4. Bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 25/CTr-VKSHH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 18/12/2024 và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Lê Văn T là nhân viên thị trường của Công ty TNHH T4, có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng, không được phép trực tiếp thu tiền thanh toán**.** Tuy nhiên ngày 14/12/2024 sau khi ký hợp đồng với ông Tô Đức T1 để đổ bê tông cho công trình nhà ông Lê Văn L, T đã dùng thủ đoạn gian dối, yêu cầu ông T1 chuyển tiền cho mình thông qua tài khoản của chị Hoàng Thị D số tiền 24.000.000 đồng, sau khi chị D nhận được tiền đã đưa tiền mặt cho T nhưng T không nộp vào công ty theo quy định mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân, khi bị phát hiện thì bỏ trốn.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Văn T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là dùng thủ đoạn gian dối đưa ra số tài khoản của người ngoài công ty cho bị hại chuyển tiền vào, sau khi nhận được tiền không nộp vào công ty mà chiếm đoạt, khi bị phát hiện đã bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, với động cơ tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách niệm hình sự

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và đã đến cơ quan Công an đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Nhân thân: Ngày 01/8/2024 bị Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Vượt xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông" theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (được sửa đổi bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP của Chính phủ), việc bị cáo bị xử phạt hành chính sau khi thực hiện tội phạm nên không xem là tiền sự nhưng khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét để quyết định hình phạt và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tại giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt đã trả lại đầy đủ, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với hành vi của Lê Văn T chiếm đoạt số tiền khoảng 300.000.000 đồng theo báo cáo của công ty TNHH T4 từ tháng 01/2020 đến tháng 05/2021 và theo khai nhận của T là trong tháng 6 và tháng 7/2021 có đối tượng tên D2 (không rõ lý lịch) đã thu tiền của khách hàng mua bê tông với số tiền khoảng 60.000.000 đồng không đưa lại T. Quá trình điều tra không xác định được đối tượng này và cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, Công ty TNHH T4 cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để xác định hành vi của Lê Văn T, hơn nữa giữa Công ty và T đã thỏa thuận toàn bộ số tiền nợ trên Công ty cho T trả nợ dần, do đó cơ quan Công an sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ khi có căn cứ.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T4 và Lê Văn T thống nhất số tiền 360.000.000 đồng Lê Văn T còn nợ Công ty TNHH T4, Lê Văn T có trách nhiệm trả dần cho công ty theo giấy cam kết, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **15** *(Mười lăm*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 18/12/2024.

Án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 ,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga